TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TH** **TINH LONG A**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 11/2023/DS-ST
Ngày 18-4-2023
V/v "tranh chấp hợp đồng hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TH-TỈNH LONG A

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Bà Trần Thị N
2.Ông Nguyễn Văn H

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Anh K - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Th.

-***Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Th tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Kim Th - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Th xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Bảy Ng, xã Tân N, huyện Tân Th, tỉnh Long A (có mặt).

2.*Bị đơn*: ông Lê Tấn T, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Bằng L, xã Tân L, huyện Tân Th, tỉnh Long A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà và vợ chồng ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị H có hợp đồng góp vốn làm ăn và mua đất xây nhà, ông T người chịu trách nhiệm chung còn bà người góp vốn thực hiện các dây hụi như sau:

-Dây thứ nhất: Khui ngày 10/01/2019 al (âm lịch), mức góp vốn 5.000.000đồng, gồm 20 người tham gia và bà tham gia 01 phần, hình thức 03 tháng khui 01 lần, ai bỏ thăm cao nhận tiền, ông T được hưởng hoa hồng 1.500.000đồng. Bà góp vốn được 11 lần cho đến tháng 10/2021 vợ chồng ông T

thông báo ngừng góp vốn và kêu bà rút 01 phần của dây hụi này (do bà với bà H góp vốn chung), ông T còn nợ bà 27.500.000đồng.

-Dây thứ hai: Khui ngày 15/01/2020 âm lịch, mức góp vốn 5.000.000đồng, gồm 21 người tham gia và bà tham gia 01 phần, hình thức 03 tháng khui 01 lần ai bỏ thăm cao nhận tiền, ông T được hưởng hoa hồng 1.000.000đồng. Bà góp vốn được 07 lần thì vợ chồng ông T thông báo ngứng góp vốn, ông T còn nợ bà 35.000.000đồng.

-Dây thứ ba: Khui ngày 25/6/2020 âm lịch, mức góp vốn 5.000.000đồng, gồm 24 người tham gia và bà tham gia 01 phần, hình thức 03 tháng khui 01 lần ai bỏ thăm cao nhận tiền, ông T được hưởng hoa hồng 1.000.000đồng. Bà góp vốn được 05 lần thì vợ chồng ông T thông báo ngừng góp vốn, còn nợ bà 25.000.000đồng.

Nay bà yêu cầu vợ chồng ông T và bà H có trách nhiệm trả số tiền nợ hụi tổng cộng là 87.500.000đồng.

Bị đơn ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị H trình bày: Vợ chồng tôi có thiếu bà L số tiền hụi 87.500.000đồng. Nay vợ chồng ông bà đồng ý trả tiền gốc 87.500.000 cho bà L, nhưng do hoàn cảnh khó khăn chúng tôi xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ.

Kiểm sát viên -Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Th phát biểu ý kiến:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng hụi" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, 35, 39 BLTTDS. Đảm bảo quy định thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định Điều 203 BLTTDS; Thẩm phán thu thập chứng cứ theo quy định Điều 96, 97, 98 BLTTDS.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định BLTTDS. về việc xét xử sơ thẩm, đảm bảo các nguyên tắc xét xử. Đối với guyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu và chứng cứ được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị L cung cấp chứng cứ các dây hụi do ông Lê Tấn T làm đầu thảo và đến khi vỡ hụi ông T và vợ bà Nguyễn Thị H có làm giấy biên nhận nợ bà L số tiền 87.500.000đồng vào ngày 28/10/2021. Phía ông T và bà H thống nhất có thiếu bà L số tiền hụi 87.500.000đồng, nhưng vợ chồng ông T xin trả nhiều lần bà L không đồng ý và yêu cầu trả 01 lần 87.500.000đồng là có cơ sở.

Căn cứ Điều Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326 quy định án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hộ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị L cung cấp chứng cứ 03 hợp đồng góp vốn xoay vòng và 01 giấy mượn nợ của ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị H. Tuy nhiên bà L và vợ chồng ông T và bà H thừa nhận với nhau nợ hụi, do đó xác định "Tranh chấp hợp đồng hụi" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về nội dung*: Xét thấy giữa bà Nguyễn Thị L và ông Lê Tấn T có thỏa thuận hợp đồng góp vốn xoay vòng có lãi suất, do ông T làm đầu thảo bà L là hụi viên thực hiện như sau: Về hợp đồng góp vốn khui ngày 10/01/2019 âm lịch, thỏa thuận mức góp vốn 5.000.000đồng, thời gian 03 tháng khui 01 lần, gồm 20 hụi viên trong đó bà L tham gia 01 phần và mỗi lần khui hụi ông T được hưởng hoa hồng 1.500.000đồng. Tại phiên tòa bà L và vợ chồng ông T thừa nhận bà L đóng hụi đến ngày 30/8/2021 âm lịch được 11 lần ông T tuyên bố vỡ hụi, do dây hụi này bà L với bà H hùn chung 01phần, nên 5.000.000 x 11 lần = 55.000.000đồng, vì vậy bà L đóng được ½ số tiền hụi của 11 lần bằng số tiền 27.500.000đồng. Còn hợp đồng góp vốn khui ngày 15/01/2020 âm lịch, mức góp vốn 5.000.000đồng, thời gian 03 tháng khui 01 lần, gồm 21 hụi viên trong đó bà L tham gia 01 phần và mỗi lần khui hụi ông T được hưởng hoa hồng 1.000.000đồng. Tại phiên tòa vợ chồng ông T thừa nhận bà L đóng được 07 lần đến ngày 30/8/2021 âm lịch ông tuyên bố vỡ hụi nên bà L có đóng 35.000.000đồng. Ngoài ra hợp đồng góp vốn khui ngày 25/6/2020 âm lịch, mức góp vốn 5.000.000đồng, thời gian 03 tháng khui 01 lần, gồm 24 hụi viên trong đó bà L tham gia 01 phần và mỗi lần khui ông T được hưởng hoa hồng 1.000.000. Tại phiên tòa vợ chồng ông T thừa nhận bà L đóng được 05 lần ngày 30/8/2021 âm lịch ông tuyên bố vỡ hụi nên bà L có đóng 25.000.000đồng.

[3] Đối với "Giấy mượn nợ" ngày 28/10/2021 bà Nguyễn Thị H ký nhận nợ số tiền 87.700.000đồng. Xét thấy số tiền nợ thực chất đây là tiền hụi bà L đóng cho ông T trong 03 dây hụi gồm các ngày 10/01/2019 âm lịch, ngày 15/01/2020 âm lịch và dây hụi ngày 25/6/2020 âm lịch cho đến ngày 30/8/2021 âm lịch ông T tuyên bố vỡ hụi nhưng ông không có tiền trả lại cho bà L, nên bà H ký giấy nhận. Nhưng trong giấy mượn nợ ghi số tiền 87.700.000đồng, tuy nhiên bà L và vợ chồng ông T thống nhất số tiền nợ là 87.500.000đồng, nên ghi nhận. Ngoài ra tại phiên tòa ông T và bà H không yêu cầu tính lại số tiền hụi bà L đã đóng, vì sau khi vỡ hụi đến nay thời gian quá lâu ông bà không trả tiền hụi cho bà L, do đó Hội đồng xét xử không xem xét lại số tiền hụi bà L đã đóng cho vợ chồng ông T.

[4] Về thời gian trả nợ, tại phiên tòa bà L yêu cầu vợ chồng ông T và bà H có nghĩa vụ trả 87.500.000đồng dứt điểm một lần, còn ông T và bà H xin trả nhiều lần là mỗi tháng trả 500.000đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được bà L đồng ý. Xét thấy việc hợp đồng góp vốn xoay vòng do các bên tự nguyện thỏa thuận, cũng như việc góp vốn xoay vòng đang thực hiện mà ông T tuyên bố vỡ hụi ngừng không tiếp tục nữa là không đúng với thỏa thuận giữa đầu thảo và hụi viên. Mặc

khác sau khi ký giấy mượn nợ ngày 28/10/2021 bà H cam kết sẽ trả đúng hạn theo yêu cầu, tuy nhiên bà L có yêu cầu nhiều lần nhưng ông T và bà H không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ, vì vậy bà L yêu cầu ông T và bà H trả tiền nợ hụi 87.500.000đồng là phù hợp theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Về lãi suất, tại phiên tòa bà L không yêu ông T và bà H trả lãi, nên không xem xét.

[6] Ngoài ra tại biên bản hòa giải ngày 27/3/2023 bà L trình bày bà và bà H có cần trừ nợ ông Phong 37.000.000đồng. Nhưng tại phiên tòa bà L và bà H đều thống nhất số tiền nợ 37.000.000đồng của ông Phong là hoàn toàn không có liên quan đến phần nợ tiền hụi giữa bà L với vợ chồng ông T, bà H, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: ông T và bà H có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; bà L yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/1016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy đinh về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1.Buộc ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị L 87.500.000đồng (*Tám mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng*) tiền hụi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí: Ông Lê Tấn T, bà Nguyễn Thị H phải chịu 4.375.000đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả bà Nguyễn Thị L 2.187.500đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004390 ngày 07/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Th.

3.Báo cho nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
-*TAND tỉnh Long A*;
-*VKSND huyện Tân Th;*
-*Chi cục THADS huyện Tân Th;*
-*Các đương sự;*
-*Lưu VT, hồ sơ vụ án.*

TM-HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn H